

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2024/HS-PT
Ngày: 06-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Chí Công**

Ông **Nguyễn Tấn Long**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 06-5-2024, từ điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 133/2024/TLPT-HS ngày 27-02-2024 đối với Nguyễn Đức L và bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 24-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Đức L, sinh ngày 20-10-1971, tại Thái Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Hữu V và bà Đào Thị T.

Tiền án:

- Ngày 27-9-2022, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 13 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 26 tháng.

Nhân thân:

- Ngày 31-3-2000, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Ngày 14-5-2004, Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Ngày 17-9-2010, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt ngày 10-5-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Trần Văn D, sinh ngày 30-6-1992, tại Thái Bình; nơi đăng ký HKTT: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L1; vợ là Võ Thị Như N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21-12-2018, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

- Ngày 10-5-2019, Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

- Ngày 27-9-2022, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo kháng cáo, nhưng sau đó rút kháng cáo (Chưa chấp hành bản án sơ thẩm)

- Ngày 21-12-2022, Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” - Chưa chấp hành bản án.

Bị bắt ngày 15-11-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 20-12-1977, tại Thái Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: B1); vợ là Trần Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11-4-2007, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng.

- Ngày 07-3-2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Ngày 02-11-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt ngày 15-11-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. Lê Đức V1, sinh ngày 17-9-1991, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Xuân T1 (đã chết) và bà Phạm Thị L2; vợ là Đoàn Thị Thu L3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 31-3-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23-12-1976, tại Thái Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Hữu V và bà Đào Thị T; vợ là Vũ Thị T2 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 08-7-2005, Tòa án nhân dân huyện Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Ngày 11-4-2007, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

- Ngày 02-11-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Ngày 01-3-2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt ngày 15-11-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Lê Trung T3, sinh ngày 12-12-1987, tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Làng K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Trung P1 và bà Đỗ Thị M; vợ là Y T4 (đã ly hôn) và có 01 con.

Tiền án:

- Ngày 10-01-2008, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum; buộc bị cáo phải chấp hành chung là 08 năm tù.

- Ngày 16-4-2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Che giấu tội phạm”.

- Ngày 30-9-2020, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 13 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Nhân thân:

- Ngày 08-7-2005, Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng.

- Ngày 01-01-2003, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị bắt tạm giam ngày 15-11-2022; đến ngày 13-01-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, vắng mặt.

7. Phạm Hoàng D1, sinh ngày 02-9-1986, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT: Khu phố E, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Văn N2 và bà Nguyễn Thị C; vợ là Nguyễn Thị Cẩm D2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 17-01-2006, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp tài sản” (Chấp hành xong bản án ngày 31-8-2015).

- Ngày 07-02-2018, Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Đánh nhau.

Bị bắt tạm giam ngày 15-11-2022; đến ngày 13-01-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

8. Lê Thị H2, sinh ngày 25-5-1988, tại Kon Tum; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Lê Viết T5 và bà Lý Thị L4; chồng là Nguyễn Ngọc N3 và có 07 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022).

Tiền án:

- Ngày 28-7-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 80.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc” (Chấp hành ngày 18-4-2023, nên chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

- Năm 2020, Công an phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị bắt phạm tội quả tang ngày 15-11-2022; ngày 16-11-2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

9. Hoàng Xuân V2, sinh ngày 01-11-1983, tại Hải Phòng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Hoàng Xuân T6 và bà Vũ Thị N4; vợ là Phan Thị Thu S1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 03-3-2023, thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại huyện I, tỉnh Gia Lai; ngày 10-3-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giam ngày 15-11-2022; đến ngày 13-01-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Ngày 10-3-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam trong vụ án “Tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy” (Như nhân thân đã nêu trên). Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt tại điểm cầu thành phần.

10. Nguyễn Văn T7, sinh ngày 21-11-1990, tại Hải Phòng; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số A T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn V3 và bà Nguyễn Thị T8; vợ là Trần Thị T9 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 15-11-2022; đến ngày 13-01-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

(Vụ án còn có 10 bị cáo khác, nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị; có 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14-11-2022, sau khi nghe anh Huỳnh Đức T10 nói có Nhà kho tại số E T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cần cho thuê, nên Nguyễn Văn N5 đã thuê kho này của anh T10. Sau đó, N5 dẫn Nguyễn Đức L đến xem địa điểm để mở sòng bạc “Xóc đĩa” tại nhà kho này, L đồng ý. Ngày 15-11-2022, Nguyễn Đức L gặp Nguyễn Đức N6 và Lê Minh T11 để bàn bạc về việc tổ chức sòng bạc tại nhà kho bằng hình thức “Xóc đĩa” được, thua bằng tiền để thu lợi bất chính từ số tiền “Xâu” thu được. L phân công cho N6 chuẩn bị xe ô tô đưa đón các con bạc đến đánh bạc; phân công Nguyễn Văn T12 cầm cái “Xóc đĩa” phục vụ cho khách đặt tiền chơi cá cược; phân công Trần Văn D, Phạm Văn H3 làm “Hò li” và thu tiền “Xâu” tại sòng bạc; Lê Minh T11, Hoàng Công D3 và Lê Đức V1 làm nhiệm vụ cảnh giới.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn N5 dùng xe ô tô chở hơn 20 người đến Nhà kho số 57 T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trong đó có: Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn H4, Lê Trung T3, Lê Thị H2, Hoàng Xuân V2, Võ Thị Quỳnh H5, Phạm Hoàng D1 tham gia đặt tiền chơi đánh bạc “Xóc đĩa” được, thua bằng tiền. Nguyễn Thị H6, Trương Thái L5 và Lê Đức D4 mang tiền đến cho các con bạc vay và đổi tiền qua chuyển khoản để có tiền chơi đánh bạc.

Khi ván chơi bắt đầu, Nguyễn Văn T12 cầm cái “Xóc đĩa” bỏ 04 quân vị vào đĩa và úp bát lại và xóc, 04 quân vị đường kính 02 cm được cất từ ra từ bài T13 lơ khơ, trong đó bốn mặt lưng gọi là “Sấp” còn bốn mặt bài gọi là “Ngửa”. Sau khi xóc, các con bạc đặt tiền vào bên chẵn và bên lẻ của chiều bạc. Chiều bạc là tám tấm thảm cao su màu đỏ kích thước (6,38 x 1,21) m có đường kẻ ở giữa để phân biệt bên chẵn, bên lẻ và quy ước phía bên tay phải người “Xóc” là chẵn còn bên tay trái là lẻ. Khi mở bát ra, kết quả 02 mặt sấp, 02 mặt ngửa, 04 mặt sấp hoặc 04 mặt ngửa là chẵn, còn lại là lẻ. Trong trường hợp ván đó có 03 mặt sấp, thì Trần Văn D, Phạm

Văn H3 (gọi là Hồ lì) sẽ thu tiền “Xâu” của người thắng cược, với tỉ lệ 50.000 đồng/1.000.000 đồng. Mỗi ván chơi người đặt tối thiểu là 500.000 đồng, không quy định mức đặt tối đa. Tổng số tiền trên chiếu bạc mỗi ván chơi từ khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và chơi bằng tiền VNĐ. Thời gian diễn ra mỗi ván bạc khoảng 05 phút đến 10 phút. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang tổ chức đánh bạc thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phát hiện, bắt quả tang 17 đối tượng tham gia đánh bạc và tổ chức đánh bạc, thu giữ tại chiếu bạc 8.000.000 đồng và một số vật chứng, đồ vật có liên quan gồm: 01 (một) tấm thảm cao su (chiếu bạc) màu đỏ kích thước (6,38 x 1,21) m; 01 (một) túi xách quai chéo kích thước (34 x 19) cm; 01 (một) túi xách màu đen kích thước (44 x 32) cm; 20 (hai mươi) lá bài T13 lơ khơ bị đục lỗ hình tròn, đường kính 02 cm; 35 (ba mươi lăm) mảnh lá bài hình tròn, đường kính 02 cm; 05 (năm) hộp nhựa bên trong đựng các lá bài T13 lơ khơ; 02 (hai) hộp bài T13 lơ khơ còn nguyên bọc Nilon; 41 (bốn mươi một) lá bài Tú lơ khơ các loại; 05 (năm) khối hình lập phương (xúc sắc) kích thước (1 x 1 x 1) cm; 03 (ba) khối lập phương (hột bầu cua) kích thước (2 x 2 x 2) cm; 01 (một) ống hình trụ màu đen dài 65,5 cm (Điều hút thuốc Lào); 02 (hai) bình Bas mini dài 18 cm, đường kính 6,5 cm; 02 (hai) hộp phấn rôm (Johnson’s baby và K baby); 02 (hai) đầu khò gas (một đầu đã qua sử dụng, một đầu chưa sử dụng); 04 (bốn) cái bát màu trắng (03 bát còn nguyên, 01 bát bị đập vỡ phần đáy); 01 (một) túi Nilon đựng các sợi dây chun màu vàng; 01 (một) quyển vở bên trong có các con số và chữ và 23 (hai mươi ba) chiếc ghế nhựa các loại.

Qua khám xét trong người các đối tượng thu giữ một số tài sản như sau:

- Thu giữ trong người Trần Văn D 16.900.000 đồng. Qua điều tra, xác định, số tiền 6.900.000 đồng là tiền thu “Xâu” tại chiếu bạc, còn 10.000.000 đồng là tiền riêng của D, không liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

- Thu giữ của Phan Văn H7 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số Imei 1: 35331 70913 83977 và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202, màu xanh xám, số Imei: 35895 70133 08035 và số tiền: 6.500.000 đồng. Qua điều tra, xác định số tiền 5.000.000 đồng là tiền H7 thu “Xâu” tại chiếu bạc, số tiền còn lại 1.500.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động là tài sản riêng của H7, không liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc

- Thu giữ trong người Nguyễn Văn N1 500.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu đen, số Imei 1: 86554 5053196778. Qua điều tra, xác định số tiền và điện thoại trên N1 đã sử dụng vào việc đánh bạc.

- Thu giữ trong người Lê Minh T11 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1203, màu xanh, số I: 35427 53898 15218. Qua điều tra xác định, T11 đã sử dụng chiếc điện thoại này để tổ chức việc đánh bạc.

- Thu giữ trong người Nguyễn Văn T12 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng gold, số Imei: 35302 80912 26211. Chiếc điện thoại này không liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

- Thu giữ trong người Hoàng Công Danh 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, số I: 35616 50957 86811. Chiếc điện thoại này D3 sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc.

- Thu giữ trong người Nguyễn Văn H1 67.675.000 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M32, màu xanh, số Imei 1: 35909 33861 67417. Qua điều tra xác định, số tiền trên H1 sử dụng vào việc đánh bạc; chiếc điện thoại là tài sản riêng của H1 không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ trong người Phạm Hoàng D1 21.100.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số I: 35671 80884 80865. Qua điều tra xác định, số tiền trên D1 sử dụng vào việc đánh bạc; chiếc điện thoại là tài sản riêng của D1, không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ của Nguyễn Văn T7 3.300.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1272, màu đen, số I:35315 91111 02809. Đây là tài sản riêng của T7, không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ của Nguyễn Văn H4 20.700.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, số I: 35671 81162 79131. Qua điều tra xác định, các tài sản trên đều sử dụng vào việc đánh bạc.
- Thu giữ của Lê Trung T3 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số I: 35485 70966 01666. Đây là tài sản riêng của T3, không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ của Hoàng Xuân V2 5.310.000 đồng; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám ghi, số I: 35671 21192 87407 và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu xám bạc, số Imei: 35328 80744 87103. Qua điều tra xác định, V2 đã sử dụng các điện thoại trên để liên lạc với các con bạc và nhóm tổ chức đánh bạc để đưa các con bạc vào sòng bạc để đánh bạc; đối với số tiền 5.310.000 đồng, đây là tài sản riêng của V2, không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ trong người Trương Thái Lâm 300.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 Ultra, màu hồng, số Imei 1: 35268 25062 98529/01. Đây là tài sản riêng của L5, không liên quan đến hành vi đánh bạc.
- Thu giữ trong người của Lê Đức D4 3.000.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 12, màu đỏ, số Imei: 35903 52951 28584. Qua điều tra xác định, khi bị bắt thì trên người D4 còn 10.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, do trong khi Công an vào bắt sòng bạc, D4 bỏ chạy bị vấp ngã bị thương nên được đưa đi cấp cứu, D4 đã sử dụng 7.000.000 đồng để trả tiền viện phí, còn lại 3.000.000 đồng tiền D4 giao nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng chiếc điện thoại D4 sử dụng vào việc đánh bạc.
- Thu giữ trong người Nguyễn Thị H6 58.950.000 (năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng); 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng, số I: 357227 09507 5436 và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình bị vỡ, số I: 86637 60484 59892. Qua điều tra xác định, các điện thoại trên H6 sử dụng vào việc đánh bạc; số tiền 58.950.000 đồng đã thu giữ, trong đó có 41.200.000 đồng Hương sử dụng vào việc đánh bạc, còn lại 17.750.000 đồng là tiền riêng của H6 sử dụng vào việc cá nhân, không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Thu giữ trong người Lê Thị H2 600.000 đồng; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số I: 35787 94311 24482 và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu tím, số I: 35478 62557 32964. Đây là tài sản riêng của H2, H2 không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Thu giữ của Võ Thị Quỳnh H5 2.440.000 đồng; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu xám đen, số I: 35369 80202 03588; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu đen xanh, số I: 35943 0067457917 và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng. Qua điều tra xác định, số tiền trên H5 sử dụng vào việc đánh bạc, còn các điện thoại H5 không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với Nguyễn Đức L khi bị bắt truy nã đã thu giữ 3.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, số Imei: 356572082139989; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 4G, màu đen, số Imei: 357332566392516; 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Văn H8; 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Đức L; 01 (một) chiếc ví màu nâu; 01 (một) chiếc đồng hồ có dòng chữ Sunrise Swiss Sapphire màu bạc; 01 (một) chiếc nhẫn màu bạc có khắc dòng chữ PTSJ950. Qua điều tra, xác định đây là giấy tờ và tài sản của L, không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 24-01-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai:

1. Áp dụng các điểm a, c, d, đ khoản 1, khoản 3 Điều 322; Điều 17; Điều 38, Điều 56, Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đức L 04 (**bốn**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 13 (**mười ba**) tháng tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (**năm**) năm 01 (**một**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-5-2023 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-02-2022 đến ngày 25-02-2022).

Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Văn D 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 01 (**một**) năm tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-02-2022 đến ngày 06-5-2022); tổng hợp với hình phạt 09 (**chín**) tháng tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-11-2021 đến ngày 04-12-2021); buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là **03 (ba)** năm 09 (**chín**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022 (được trừ thời gian tạm

giám từ ngày 25-11-2021 đến ngày 04-12-2021 và từ ngày 08-02-2022 đến ngày 06-5-2022).

3. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn N1 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 05 (**năm**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022.

4. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Đức V1 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31-3-2023.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn H1 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022.

6. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Trung T3 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

7. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Hoàng D1 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Thị H2 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn T7 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

H9 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 10 bị cáo khác; quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29-01-2024, Lê Đức V1 và Hoàng Xuân V2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 29-01-2024, Phạm Hoàng D1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 29-01-2024, Nguyễn Đức L kháng cáo kêu oan.

- Ngày 30-01-2024, Nguyễn Văn N1 và Lê Thị H2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 02-02-2024, Nguyễn Văn T7 kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 02-02-2024, Nguyễn Văn H1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 06-02-2024, Trần Văn D kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 07-02-2024, Lê Trung T3 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, 10 (mười) bị cáo kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Lê Trung T3 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo (09 bị cáo) còn lại giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức L, Trần Văn D, Nguyễn Văn N1, Lê Đức V1, Nguyễn Văn H1, Lê Trung T3, Phạm Hoàng D1, Lê Thị H2 và Hoàng Xuân V2.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T7.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 24-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn T7 được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận; nói lời sau cùng các bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh (Đối với các bị cáo kháng cáo):

- Đối với hành vi Tổ chức đánh bạc:

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Đức L cho rằng bị kết án oan, vì khi bắt quả tang “Xóc bạc”, L không có mặt ở P. Tuy nhiên, L thừa nhận ngày 14-11-2022, L có cùng với Nguyễn Văn N5 đến Nhà kho số 57 T, thành phố P để xem vị trí tổ chức “Xóc bạc”, thừa nhận mình là người giữ túi đựng dụng cụ “Xóc đĩa”. Sáng ngày 15-11-2022, L có gặp Nguyễn Văn N5 và Lê Minh T11 tại quán cà phê để bàn bạc việc tổ chức đánh bạc, nhưng do nhóm kêu gọi nhiều người ở Đắc Lắc qua đánh bạc, thấy không an toàn, nên L không đồng ý tổ chức và có nói với N5, T11 khi nào tổ chức đánh bạc thì đến nhà lấy túi đựng dụng cụ “Xóc đĩa”. Trưa ngày 15-11-2022, L có gọi điện cho T11 đến để trả nợ; lúc này, do nghe T11 nói vẫn tổ chức “Xóc bạc”, nên L có đưa cho T11 túi dụng cụ và có gọi hỏi Trần Văn D có về Đắc Lắc không, chứ không nói D nhận túi dụng cụ từ T11 để mang ra “Xóc bạc”. Tại phiên tòa sơ thẩm, L thừa nhận có được T11 nhờ gọi nhóm Kon Tum xuống đánh bạc, nhưng L không nhận lời.

Nguyễn Văn N5, Lê Minh T11 đều khẳng định Nguyễn Đức L là người tổ chức các “Xóc bạc”, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo trong vụ án, trả tiền công và giữ túi đựng dụng cụ “Xóc đĩa”. Sáng ngày 15-11-2022, các bị cáo (L, N5 và T11) đã gặp nhau tại quán cà phê để bàn bạc việc tổ chức “Xóc bạc” tại số E T và sau khi phân công, thì L về nhà, còn T11 đến lấy túi đựng dụng cụ “Xóc đĩa” đem đến khách sạn giao cho Trần Văn D để D đem đến “Xóc bạc”, ghế và các dụng cụ khác đã để sẵn trên xe của N5, nên N5 chở đến cùng với các con bạc; còn các bị cáo khác thì theo sự phân công của L để thực hiện.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn N5 và Lê Minh T11; căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: “Xóc bạc” bị bắt quả tang ngày 15-11-2022 tại số E T, thành phố P là do Nguyễn Đức L tổ chức để thu lợi bất chính; các bị cáo khác là Trần Văn D, Nguyễn Văn N1 và Lê Đức V1 giúp sức cho L trong việc tổ chức đánh bạc. “Xóc bạc” do L tổ chức hoạt động từ khoảng 12 giờ đến 17 giờ 30 phút ngày 15-11-2022, thì bị bắt quả tang. Số tiền thu lợi trong hoạt động tổ chức đánh bạc là 11.900.000 đồng, có 10 người tham gia đánh bạc, số tiền đánh bạc trong 01 lần từ 20.000.000 đồng trở lên, có phân công người canh gác.

- Về hành vi đánh bạc:

Quá trình điều tra đã xác định được: Nguyễn Văn H1 đánh bạc với số tiền 67.675.000 đồng, Phạm Hoàng D1 đánh bạc với số tiền 21.100.000 đồng, Nguyễn Văn N1 đánh bạc với số tiền 6.000.000 đồng, Lê Trung T3 đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng, Lê Thị H2 đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T7 đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng, còn Hoàng Xuân V2 tìm và đưa Lê Trung T3 đến “Xóc bạc” để T3 đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo đang và sẽ dùng để đánh bạc ngày 15-11-2022 là 213.465.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án (1) Nguyễn Đức L, (2) Nguyễn Văn N1, (3) Trần Văn D và (4) Lê Đức V1 tội “Tổ chức đánh bạc”, với tình tiết định khung “Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên..”; “Tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000

đồng trở lên” và “.... Phân công người canh gác, phục vụ khi đánh bạc” theo các điểm a, c và d (L thêm điểm đ) khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; kết án các bị cáo (5) Nguyễn Văn H1, (6) Phạm Hoàng D1, (7) Lê Trung T3, (8) Lê Thị H2, (9) Hoàng Xuân V2, (10) Nguyễn Văn T7 và Nguyễn Văn N1 về tội “Đánh bạc”, với tình tiết định khung “Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình; biết rõ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, háms lợi các bị cáo đã tổ chức đánh bạc và đánh bạc trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án có nhiều người cùng phạm tội, nhưng các bị cáo phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau, nên cần xem xét, đánh giá vai trò tham gia để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

- Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”:

Nguyễn Đức L là người chuẩn bị công cụ, phương tiện, các thiết bị phục vụ “Xóc bạc” và thanh toán tiền công cho các đối tượng giúp sức, do đó giữ vai trò đầu vụ; Trần Văn D làm nhiệm vụ “Hò lý” lấy tiền của người thua chung cho người thắng và thu tiền “Xâu” tại xóc bạc; Nguyễn Văn N1 “Xóc đĩa” cho các con bạc đặt cược; còn Lê Đức V1 làm nhiệm vụ cảnh giới. Với hành vi phạm tội này, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo từ 02 năm đến 04 năm tù.

Nguyễn Đức L kháng cáo kêu oan, nhưng căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo kêu oan, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về hình phạt đối với bị cáo.

Trần Văn D và Lê Đức V1 kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vì vậy, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Nguyễn Văn N1 vừa thực hiện hành vi “Xóc đĩa” thay cho Nguyễn Văn T12 thì bị phát hiện, bắt giữ. Vì vậy, bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức nhưng không đáng kể; đồng thời, trong vụ án này, bị cáo bị kết án về hai tội, nên khi tổng hợp thì hình phạt của bị cáo sẽ nặng hơn các bị cáo khác, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

- Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”:

Mặc dù, số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng; nhân thân của Nguyễn Văn H1, Lê Trung T3, Lê Thị H2 và Hoàng Xuân V2 đều không tốt; các bị cáo đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc”, có bị cáo bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản”, “Che giấu tội phạm”; bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Vì vậy, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Trung T3, Lê Thị H2 và Hoàng Xuân V2.

Đối với Phạm Hoàng D1, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Văn T7:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính; đồng thời, quá trình điều tra và tại các phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nguyễn Văn T7 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và trước khi phạm tội đã có thời gian phục vụ trong quân đội; ngoài ra, xét thấy số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn (Dũ đánh bạc với số tiền 21.100.000 đồng, N1 đánh bạc với số tiền 6.000.000 đồng và T7 đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng). Do các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Tòa án cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai còn áp dụng hình phạt bổ sung 20.000.000 đồng đối với Nguyễn Đức L. Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và chỉ có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N1, Phạm Hoàng D1 và Nguyễn Văn T7.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí:

Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức L, Trần Văn D, Nguyễn Văn H1, Lê Đức V1, Lê Trung T3, Hoàng Xuân V2 và Lê Thị H2.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N1, Phạm Hoàng D1 và Nguyễn Văn T7.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 24-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N1, Phạm Hoàng D1 và Nguyễn Văn T7.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- *Đối với nhóm tội “Tổ chức đánh bạc”:*

2.1. Áp dụng các điểm a, c, d, đ khoản 1, khoản 3 Điều 322; Điều 56, Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đức L 04 (**bốn**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 13 (**mười ba**) tháng tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (**năm**) năm 01 (**một**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-5-2023 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-02-2022 đến ngày 25-02-2022).

Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Văn D 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 01 (**một**) năm tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; tổng hợp với hình phạt 09 (**chín**) tháng tù về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 03 (**ba**) năm 09 (**chín**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-11-2021 đến ngày 04-12-2021 và từ ngày 08-02-2022 đến ngày 06-5-2022).

2.3. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Đức V1 02 (**hai**) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31-3-2023.

2.4. Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 (đối với tội “Đánh bạc”) và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn N1 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 03 (**ba**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022.

- Đối với nhóm tội “Đánh bạc”:

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn H1 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-11-2022.

2.6. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Trung T3 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

2.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Thị H2 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

H9 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

2.9. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Hoàng D1 01 (**một**) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-11-2022 đến ngày 13-01-2023).

2.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn T7 01 (**một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (**ba**) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Nguyễn Văn T7 cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyễn Đức L, Trần Văn D, Nguyễn Văn H1, Lê Đức V1, Lê Trung T3, Hoàng Xuân V2 và Lê Thị H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Nguyễn Văn N1, Phạm Hoàng D1 và Nguyễn Văn T7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường